TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST.
Ngày 20 tháng 8 năm 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Sơn.

2/ Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào, kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/TLST-HS, ngày 23 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2021/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 7 năm 2021, đối với:

* Bị cáo: Nguyễn Phước L (tên gọi khác: S), sinh năm 1998

- Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

- Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: không;

- Nghề nghiệp: làm thuê, trình độ học vấn: 9/12;

- Con ông Nguyễn Hữu N và bà Phan Thị L;

- Anh, em ruột 03 người; lớn sinh năm 1982, nhỏ là bị cáo;

- Vợ là Nguyễn Trần Nhã D, sinh năm 2002;

- Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2020;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 20/11/2020 bị Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau với số tiền 750.000đ.

- Nhân thân: Ngày 30/9/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng kết án 01 năm 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (đã được xóa án tích).

- Bị khởi tố ngày 19/4/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" từ ngày 23/4/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1/. Nguyễn Trọng H, sinh năm 2000 (có mặt).

2/. Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người làm chứng*:

1/. Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Phạm Duyên T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

3/. Nguyễn Văn N, sinh năm 2001 (vắng mặt).

4/. Đinh Thị Kim Th, sinh năm 1990 (có mặt).

5/. Nguyễn Thị Mỹ Z, sinh năm 1993 (có mặt).

6/. Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 (có mặt).

7/. Dương Văn K, sinh năm 1977 (có mặt).

8/. Trương Huỳnh Thanh F, sinh năm 1985 (vắng mặt).

9/. Phan Thị L, sinh năm 1950 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Phước L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 09 giờ ngày 21/02/2021, bị cáo có tổ chức uống rượu trước hàng ba nhà của mình cùng với các anh Phạm Duyên T, Nguyễn Văn N và Huỳnh F Đ thì anh Trương Huỳnh Thanh F (Gia B) vào uống 01 đến 02 ly rượu và nói cho bị cáo biết là F có mâu thuẫn với anh Nguyễn Trọng H. Sau đó F điều khiển xe về, bị cáo tiếp tục uống rượu đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì nghỉ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo đi ra chợ N gặp các anh F, N, Đ bị cáo thấy anh F cầm cây dao tự chế trên tay nên hỏi "*đi đâu vậy*?", anh F trả lời "*Có chuyện ở bến phà*", bị cáo đi theo, khi thấy anh F cầm cây dao tự chế nhá nhá định chém anh H thì bị cáo đi từ phía sau anh F dùng tay phải của mình giật cây dao trên tay của anh F chém liên tục trúng vào tay trái của anh H hai cái thì anh H bỏ chạy về hướng lộ N, bị cáo cầm dao rượt tiếp tục chém ở phía sau từ trên xuống trúng vào lưng anh H, anh H chạy về nhà của mình. Bị cáo cầm dao chạy theo đến trước nhà anh H và la lên "*Anh em thằng H đâu rồi*?". Lúc này, ông

Nguyễn Văn B là cha của anh H đang ở trong nhà, thấy bị cáo cầm dao đi hướng vào nhà để kiếm H nên đóng cửa nhà lại, bị cáo đi tới dùng dao chém bốn đến năm cái vào cửa nhà (loại cửa kéo bằng sắt) của ông B làm hư hỏng một phần cửa, tiếp theo bị cáo thấy xe của anh H (loại xe VARIO 150, màu nâu đen, biển kiểm soát 83C1-651.06) đậu ở trước cửa nên cầm dao chém vào phần đầu, đèn xe nhiều cái. Chị Đinh Thị Kim Th chạy ra can ngăn không cho bị cáo chém xe của anh H nữa, thì bị cáo cầm dao bằng tay phải chém chị Th 01 (một) cái nhưng không trúng, chị Th bỏ chạy vào nhà. Lúc này, anh F đến kêu bị cáo về, bị cáo trả cây dao lại cho anh F, trên đường về anh F ném bỏ cây dao xuống sông cầu Gạch M. Anh Nguyễn Trọng H được gia đình đưa đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng để điều trị thương tích, đến ngày 25/02/2021 anh H đến Công an xã N trình báo sự việc và làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 95/TgT-PY ngày 29/3/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Nguyễn Trọng H là: 09% (*Chín phần trăm*). Tổn thương vùng bả vai trái là vùng gây nguy hiểm đến tính mạng. Tổn thương không gây ảnh hưởng chức năng và tổn thương do vật sắc gây nên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL ngày 06/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, Vario 150, số máy KF41E2025745, số khung: MH1K4128LK021647, màu nâu đen, biển kiểm soát: 83C1-651.06. Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 5.298.000 đồng (*Năm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường tiền cho bị hại khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu và xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã thu giữ và trả lại cho anh 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, Vario 150, số máy KF41E2025745, số khung: MH1K4128LK021647, màu nâu đen, biển kiểm soát 83C1-651.06.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) để sửa chữa xe. Hiện nay anh H yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền là 4.900.000đ *(Bốn triệu, chín trăm nghìn đồng)*.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKS-H.KS ngày 22/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Phước L về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm 6 tháng tù giam về tội "Cố ý gây thương tích" và từ 9 tháng đến 01 năm 3 tháng tù giam về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hợp hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 3 tháng đến 3 năm 9 tháng tù giam; trách nhiệm bồi thường thiệt hại: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh H và bị cáo, bị cáo bồi thường tiền thuốc cho anh H 4.900.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo Danh sách yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng đến phiên tòa, Viện kiểm sát xác định ông Nguyễn Văn B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác, vì theo các tài liệu có trong hồ sơ bị cáo đã dùng dao tự chế chém vào cửa nhà của ông B nhiều cái, làm thủng 6 đoạn trên 6 lá cửa sắt, ông B có yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại cho ông. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã đưa tiền cho mẹ bồi thường cho ông B 2.200.000 đồng. Vì vậy, ông B tham gia tố tụng với tư cách là bị hại theo quy định tại Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với bà Phan Thị L, là mẹ bị cáo, việc giải quyết vụ án không có liên quan gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà, bà chỉ là người đưa tiền bồi thường của bị cáo cho các bị hại nên bà L không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự mà chỉ là người làm chứng. Còn anh Trương Huỳnh Thanh F có dùng dao nhá nhá anh H nhưng anh F không có chém, không gây thiệt hại gì cho các bị hại, cây dao tự chế mà bị cáo dùng để gây thiệt hại cho các bị hại là của anh F, nhưng anh không có tự đưa giao cho bị cáo chém anh H, sau khi sự việc xảy ra, các cơ quan chức năng không có thu thập được vật chứng nên việc giải quyết vụ án cũng không có liên quan gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của anh, anh F biết được một số tình tiết liên quan đến vụ án nên anh là người làm chứng theo quy định tại Điều 66 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Theo lời khai của bị cáo, chị Th và anh K tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa thì sau khi thấy bị cáo chém nhiều cái vào xe

của anh H thì chị Th có ra ngăn cản thì bị cáo dùng dao chém trúng tay chị Th (không đứt tay) thì anh K vào ngăn cản, sau đó anh F đến kéo bị cáo về. Chị Th có đến bệnh viện huyện K chụp hình, lấy thuốc uống, chi phí hơn 200.000 đồng, chị Th có làm đơn, trình bày yêu cầu xử lý trách nhiệm bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuốc. Lẽ ra, trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải làm rõ sự việc và xác định tư cách tham gia tố tụng cho chính xác. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị Th không còn yêu cầu gì đối với bị cáo nữa nên Tòa án nêu lên để rút kinh nghiệm chung.

[3] Những người làm chứng Huỳnh Hải Đ, Nguyễn Văn N, Phạm Duyên T, Trương Huỳnh Thanh F đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Những người này đã có lời khai trực tiếp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử; tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, các bị hại đề nghị xét xử vắng mặt những người nêu trên nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt những người này.

[4] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Phước L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Sau khi uống rượu nhiều lần, nghe anh F nói có mâu thuẫn với anh Nguyễn Trọng H, vào khoảng 09 giờ ngày 21/02/2021 khi thấy nhóm của anh F đi bến phà tìm anh H thì bị cáo đi theo và khi thấy anh F đang cự cãi, cầm dao tự chế nhá nhá anh H thì bị cáo đi từ phía sau đến giật cây dao của anh F chém anh H 03 cái trúng tay, anh H chạy thì bị cáo rượt theo và chém trúng phía sau lưng của anh H. Sau khi anh H bỏ chạy về nhà thì bị cáo mượn xe mô tô của anh Đ chạy đến nhà anh H nhưng không gặp anh H thì bị cáo chém nhiều cái vào cửa sắt nhà ông Nguyễn Văn B (ông ngoại anh H); tiếp đến, bị cáo thấy xe mô tô của anh H để trước nhà ông B thì bị cáo dùng dao chém nhiều cái vào phần đầu xe của anh H; khi chị dâu anh H là Đinh Thị Kim Th mở cửa và ngăn cản hành vi của bị cáo thì bị cáo chém chị Th trúng vào tay, đến khi được anh K ngăn cản và anh F đến kêu về thì bị cáo mới bỏ về và đưa dao trả lại cho anh F.

[5] Lời nhận tội nêu trên của bị cáo là phù hợp với Cáo trạng của Viện Kiểm sát, lời khai của bị cáo tại cơ quan Cảnh sát điều tra, lời khai bị hại, người làm chứng, biên bản hiện trường, bản ảnh dấu vết, kết luận giám định pháp y về thương tích, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[6] Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 95/TgT-PY ngày 29/3/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Nguyễn Trọng H là: 09% (*Chín phần trăm*). Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL ngày 06/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, Vario 150, số máy KF41E2025745, số khung: MH1K4128LK021647, màu nâu đen, biển kiểm soát: 83C1-651.06 của anh H có tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 5.298.000 đồng (*Năm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

[7] Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2…"

[8] Điều 178 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2…"

[9] Bị cáo dùng dao tự chế chém anh H gây thương tích là thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm. Bị cáo và anh H không có quen biết, mâu thuẫn gì với nhau mà trước đó chỉ nghe anh F nói có mâu thuẫn với anh H và khi thấy anh F và anh H cự cãi với nhau thì bị cáo giật dao từ tay anh F chém anh H nhiều cái. Hành vi của bị cáo

là ngang tàn, xem thường những quy tắc, đạo đức, xử sự trong cuộc sống, xem thường pháp luật, tính mạng, sức khỏe của người khác nên thuộc trường hợp có tính chất côn đồ.

[10] Từ phân tích, viện dẫn nêu trên, bị cáo Nguyễn Phước L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Nguyễn Phước L phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

[11] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo biết rõ sức khỏe, tài sản của người khác được mọi người tôn trọng, không ai được phép xâm phạm, nếu bất kỳ cá nhân nào xâm phạm trái phép sẽ bị xử lý, nhưng vì bản tính côn đồ, xem thường pháp luật (theo Báo cáo ngày 18/4/2021 của Công an xã N, huyện K thì chỉ trong tháng 02 và tháng 4/2021, bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến thân thể của 5 người khác và thường xuyên có lời lẽ hăm dọa, xúc phạm những người dân trong khu vực) nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại. Bị cáo đã dùng dao chém liên tục vào anh H, khi anh H bỏ chạy, bị cáo rượt theo và chém anh H trúng phía sau bả vai, sau đó bị cáo dùng dao chém nhiều cái vào cửa sắt của ông B và xe anh H. Ngoài việc xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt sau này và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội, Tòa án thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để chịu sự quản lý, giáo dục của Nhà nước.

[12] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Đối với các tội nêu trên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường, khắc phục hậu quả một phần cho các bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có con còn rất nhỏ, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[13] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[14] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Trọng H chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền là 4.900.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này nên Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 595, Điều 609 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh H 4.900.000 đồng; đối với thiệt hại về tài sản của anh H và ông B, bị cáo đã bồi thường xong, các bị hại không yêu cầu gì thêm nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, Vario 150, biển kiểm soát: 83C1-651.06 cho anh H nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[13] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm 6 tháng tù giam về tội "Cố ý gây thương tích" và từ 9 tháng đến 01 năm 3 tháng tù giam về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hợp hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 3 tháng đến 3 năm 9 tháng tù giam là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Bị cáo L bị kết án nên phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 245.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước L phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

2/ Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phước L. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L 02 (*Hai*) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 (*Một*) năm tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hình phạt chung là 03 (*Ba*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2021.

3/ Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 595, Điều 609 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H 4.900.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Phước L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 245.000 đồng án phí dân sự.

5/. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Nhà tạm giữ - CA huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Viết Tâm